TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 26 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chọn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Mộng Lành.**

2. Bà **Nguyễn Ngọc Duyên.**

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11A/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn L, sinh năm 1993 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Trần Thị H; có vợ tên Nguyễn Thị Bích P; tiền án, tiền sự: Có 01 tiền sự về xâm hại sức khỏe của người khác; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn L: Luật sư Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1983 – Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Bị hại:

Anh Phạm Văn U (U Bự), sinh năm 1982. Có mặt.

Anh Phạm Văn L, sinh năm 1988. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn M, sinh năm 1963. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

Anh Đào Minh L, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 ngày 25/8/2017 Phạm Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu wave, màu trắng – tím, biển kiểm soát 68B1-181.34 đi từ nhà đến chỗ làm thuê tại nhà anh Lê Cường E thuộc ấp Đ, xã N, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang để lấy xe tải đi chở hàng. L đậu xe trước cửa nhà anh Cường E và không tắt đèn chiếu sáng. Lúc này, Đào Minh L, sinh năm 1997 trú tại ấp 5 Biển B, xã N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu sirius, màu đen – bạc, biển kiểm soát 68U5-0072 chở Phạm Văn U (U Bự), sinh năm 1982, trú tại ấp Đ, xã N và Phạm Văn L, sinh năm 1988, trú tại ấp Đ, xã N điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 68B1-317.21 đi ngược hướng với xe của L. Do đèn chiếu sáng xe của L chiếu vào mặt của L nên L dùng xe lại để nói chuyện với L. Tại đây, L và L có lời qua tiếng lại, phát sinh mâu thuẫn rồi dẫn đến xô xát. L dùng tay đánh L rồi dùng chân đạp L té ngã xuống trước cửa nhà. L lấy 01 cây dao cán vàng (loại dao thái) lưỡi bằng kim loại màu trắng, có mũi nhọn, chiều dài phần cán khoảng 10cm, phần lưỡi khoảng 12cm của anh Cường E đang để gần cửa. L cầm dao bằng tay phải đâm trúng 02 nhát vào vùng lưng trái và cánh tay trái của L gây thương tích, L bỏ chạy. Lúc này, U quay xe lại nhìn thấy L bị đánh nên cầm nón bảo hiểm xong vào để đánh L thì bị L cầm dao đâm trúng 01 nhát vào vùng bụng gây thương tích, U bỏ chạy trốn dưới mé sông còn L chạy đến kêu cửa nhà người thân cùng truy hô mọi người đưa tìm gặp U rồi đưa U và L đi cấp cứu. Sau khi đâm xong L quăng bỏ cây dao trong đám cỏ đối diện nhà anh Cường Em rồi đi về nhà.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 643/KL-PY, ngày 30/10/2017 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của **Phạm Văn L** cụ thể như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng lưng trái.

- Sẹo xơ cứng vùng 1/3 giữa cánh tay trái (sẹo xuyên thấu từ mặt sau ra mặt trước).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: ***07%*** *(Bảy phần trăm).*

3. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

4. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích không gây ảnh hưởng thẩm mỹ và không gây hạn chế chức năng bộ phận cơ thể."

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 657/KL-PY, ngày 03/11/2017 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của **Phạm Văn U** cụ thể như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng sườn hông trái gây thủng cơ hoành 01 lỗ, thủng đại tràng ngang 02 lỗ, thủng hồi tràng 01 lỗ, tràn dịch khí khoang màng phổi.

- Sẹo xơ cứng vùng hạ sườn phải, vùng ngực, hông trái và sẹo mổ (sẹo đường giữa bụng, dẫn lưu vùng bụng hông phải và ngực trái.

- Vài nén khí nhỏ vùng đỉnh phổi phải; Vệt xơ hóa nhu mô phổi vùng đáy phổi trái.

- Hậu môn nhân tạo vùng bụng trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: ***73%*** *(Bảy mươi ba phần trăm).*

3. Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

4. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể:

- Thương tích gây ảnh hưởng thẩm mỹ ít.

- Thương tích vùng sườn hông trái hiện làm giảm chức năng hệ thống tiêu hóa mức độ vừa."

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã tổ chức truy tìm vật chứng của vụ án là 01 cây dao cán vàng (loại dao thái) là hung khí bị cáo dùng để gây án nhưng không tìm gặp.

Tại bản cáo trạng số 05/CTr-VKS ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng pháp luật và xử phạt bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 05 năm đến 06 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo cùng gia đình thỏa thuận và bồi thường cho những người bị hại cụ thể như sau:

Đối với Phạm Văn L: Bị cáo thỏa thuận và thống nhất bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 16.927.000đồng. Đã khắc phục, bồi thường được 5.000.000đồng, còn lại 11.927.000đồng buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

Đối với Phạm Văn U: Bị cáo thỏa thuận và thống nhất bồi thường, khắc

phục hậu quả số tiền 61.671.000 đồng (3.000.000 đồng tiền điện thoại di động; 58.671.000 đồng tiền điều trị, tiền ngày công lao động, tiền tàu xe). Gia đình bị cáo đã khắc phục được 30.000.000 đồng ở giai đoạn điều tra và 5.000.000 đồng ở giai đoạn chuẩn bị xét xử cho người bị hại. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường 26.671.000 đồng theo thỏa thuận.

Áp dụng Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại Phạm Văn U với số tiền 65.000.000 đồng.

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo:

Về hình sự: Thống nhất với tội danh mà Viện kểm sát truy tố, sự việc gây thương tích cho hai bị hại là có thật. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thật thà khai nhận, tỏ ra biết ăn năn hối cải; bị cáo gây thương tích cho bị hại chủ yếu vì mục đích tự vệ; có phần lỗi của hai bị hại trước; về nhân thân bị cáo có mối quan hệ tốt với hàng xóm, là lao động chính trong gia đình, cha mẹ bị cáo đều đã mất sức lao động, hiện bị cáo còn phải cấp dưỡng nuôi bà ngoại; quá trình điều tra bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho các bị hại một phần. Đó là các tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án nhẹ hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo sớm trở về lao động chăm lo cho gia đình.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng từ bị hại cung cấp để điều chỉnh mức bồi thường cho phù hợp, theo như thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại là cao so với quy định của pháp luật.

- Bị cáo và các bị hại đều không ý kiến bào chữa, tranh luận gì thêm.

- Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông M cha ruột bị cáo đã bồi thường thay khắc phục hậu quả cho bị cáo tổng cộng số tiền 40.000.000 đồng cho hai bị hại, tại phiên tòa ông không yêu cầu gì đối với bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho ông.

- Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên:

Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc khung hình phạt rất nghiêm trọng nên không thể xác định phạm tội trong trường hợp tự vệ. Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 05 đến 6 năm tù là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại về sức khỏe đề nghị ghi nhận ý kiến thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại; về tổn thất tinh thần thì thiệt hại sức khỏe gây cho bị hại là 73 %, người bị hại đã mất sức lao động nên mức bồi thường 65.000.000 đồng là phù hợp quy đinh tại Điều 590 Bộ luật dân sự.

- Ý kiến Luật sư: Về hình phạt thống nhất không tranh luận gì thêm; về trách nhiệm dân sự thì cần có hóa đơn chứng từ hợp lệ để buộc bồi thường.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã hối hận, bị cáo xin lỗi hai bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người làm chứng, tuy đã được tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt, xét thấy trong quá trình điều tra đã có lời khai của người này và sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, hai kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa đã làm rõ: Bị cáo L điều khiển xe mô tô chạy đến nhà anh Lê Cường E thuộc ấp Đ, xã N, huyện An Biên vào khoảng 23 giờ ngày 25/8/2018, khi đỗ xe tại nhà anh Cường E bị cáo không tắt đèn chiếu sáng và chiếu vào mắt của Phạm Văn L đang lưu thông ngược chiều, từ đó giữa bị cáo và L có lời qua tiếng lại phát sinh mâu thuẫn, rồi dẫn đến xô xát, L dùng chân đạp trúng vào người làm L té ngã vào cửa nhà. Lúc này, L lấy 01 cây dao cán vàng (loại dao thái) lưỡi bằng kim loại màu trắng, có mũi nhọn, chiều dài phần cán khoảng 10cm, phần lưỡi khoảng 12cm của anh Cường E đang để gần cửa rồi dùng tay phải đâm trúng 02 nhát vào vùng lưng trái và cánh tay trái, gây thương tích cho L theo kết luận giám định là 07% (Bảy phần trăm). Thấy vậy, Phạm Văn U (U Bự) dùng nón bảo hiểm chạy vào định đánh L thì bị L cầm dao đâm trúng 01 nhát vào vùng bụng, gây thương tích cho U theo kết luận giám định là 73% (Bảy mươi ba phần trăm).

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét về tính

chất mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã làm mất an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, mà còn gây thiệt hại đến sức khỏe và đồng thời gây hạn chế chức năng sinh hoạt của bị hại. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và biết việc dùng dao tác động trực tiếp lên thân thể con người là rất nguy hiểm, có thể dẫn đến hậu quả chết người, nhưng chỉ vì bản tính hiếu thắng của bản thân không xử lý tình huống bằng con đường thương lượng mà dùng bạo lực, hậu quả làm bị hại U bị thương tích 73%, bị hại L bị thương tích 7%. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Cho nên cần xử phạt bị cáo một mức án tù thật nghiêm tương xứng với hành vi bị cáo gây ra để tách bị cáo khỏi xã hội thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung trong xã hội.

Xét lời bào chữa của Luật sư, ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị từ 05 năm đến 06 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho các bị hại, phù hợp các quy định của pháp luật về áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận ý kiến Luật sư.

Bởi lẽ, xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo có tiền sự là đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác theo quyết định xử phạt số 08 ngày 03/02/2017 của Công an xã N chưa được bao lâu bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi gây thương tích cho các bị hại, mà lẽ ra bị cáo phải rút kinh nghiệm cho bản thân không để tái diễn hành vi cũ.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện tác động gia đình sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, tính đến thời điểm xét xử tổng cộng là 40.000.000 đồng; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong vụ án này cũng có phần lỗi của bị hại, cụ thể là có hành vi của bị hại đánh bị cáo trước chỉ vì mâu thuẫn nhỏ về việc tham gia giao thông. Cho nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về mức hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Pháp luật.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Là cây dao cán vàng (loại dao thái) là hung khí bị cáo dùng vào việc phạm tội, sau khi gây án, bị cáo đã vứt bỏ, quá trình điều tra đã tiến hành các thủ tục tìm kiếm theo quy định của tố tụng hình sự nhưng không gặp nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử thấy trong quá trình điều tra giữa bị cáo và các bị hại đều đã thống nhất mức bồi thường các chi phí gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại U và L tại phiên tòa vẫn giữa nguyên ý kiến, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này, cụ thể như sau:

Bị hại Phạm Văn L: Bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả với tổng số tiền 16.927.000 đồng, trong quá trình điều tra ông Mây (cha ruột bị cáo) đã bồi thường thay cho bị cáo được 5.000.000 đồng, còn lại 11.927.000 đồng bị cáo tiếp tục bồi thường cho anh L;

Bị hại Phạm Văn U: Bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả tổng số tiền 61.671.000đồng (3.000.000 đồng tiền điện thoại di động; 58.671.000 đồng tiền điều trị, tiền ngày công lao động, tiền tàu xe). Trong quá trình điều tra ông M (cha ruột bị cáo) đã khắc phục thay cho bị cáo được 30.000.000 đồng và 5.000.000 đồng ở giai đoạn chuẩn bị xét xử cho người bị hại Phạm Văn U; còn lại bị cáo tiếp tục bồi thường 31.671.000 đồng theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về bồi thường tổn thất tinh thần giữa bị cáo và bị hại Phạm Văn U đã thống nhất với nhau về mức bồi thường với số tiền là 65.000.000 đồng.

Các thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, không trái đạo đức và pháp luật, hơn nữa đây là thiệt hại về nhân thân, sức khỏe nên không có giới hạn cụ thể chỉ khi các bên không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ xét xử theo quy định pháp luật trên cơ sở các toa vé điều trị. Cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không chấp nhận yêu cầu điều chỉnh mức bồi thường của Luật sư vì không có căn cứ pháp lý điều chỉnh mức bồi thường khi các bên đã thống nhất, đồng thời bị cáo cũng không yêu cầu điều chỉnh mức bồi thường.

[7] Về quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên: Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo về hình phạt, trách nhiệm dân sự là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù được tính từ

ngày 23/11/2017.

2. Về vật chứng của vụ án:

Là cây dao cán vàng (loại dao thái) là hung khí bị cáo dùng vào việc phạm tội, sau khi gây án, bị cáo đã vứt bỏ, quá trình điều tra đã tiến hành các thủ tục tìm kiếm theo quy định của tố tụng hình sự nhưng không gặp nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét tịch thu tiêu hủy.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự 2015

Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất về mức bồi thường giữa bị cáo và các bị hại, bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho từng bị hại số tiền cụ thể như sau:

Bồi thường cho bị hại Phạm Văn L 16.927.000 đồng, đã bồi thường được 5.000.000 đồng, còn lại 11.927.000 đồng bị cáo tiếp tục bồi thường cho anh L 11.927.000 đồng (Mười một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng);

Bồi thường cho bị hại Phạm Văn U 61.671.000 đồng (3.000.000 đồng tiền điện thoại di động; 58.671.000 đồng tiền điều trị, tiền ngày công lao động, tiền tàu xe) và 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần. Ông M là cha ruột bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo được 30.000.000 đồng, còn lại 31.671.000 đồng (Ba mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) thiệt hại về sức khỏe.

Tổng cộng số tiền bồi thường là 96.671.000đ (Chín mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Văn U, nhưng được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) gia đình bị cáo (ông M cha ruột bị cáo) đã nộp trước để tiếp tục bồi thường cho anh U, theo biên lai thu số 02288 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, Vậy còn lại 91.671.000 đồng (Chín mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) bị cáo phải tiếp bồi thường cho anh Phạm Văn U.

Ông Phạm Văn M không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả tiền bồi thường cho ông nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (phần tổn thất tinh thần) là 65.000.000đ x 5% = 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại và người có quyền L nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự ;
- NTG; CA huyện An Biên;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chọn